

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST

Ngày: 31-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuận.

2. Bà Phạm Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2019/HSST ngày 09 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cao Đình V; sinh năm: 1998 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Đình K, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2000 và có 01 con sinh năm 2018; tiền án: 01 tiền án tại Bản án số 17/2018/HSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 09/02/2019, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/8/2019 đến ngày 09/8/2019 chuyển sang biện pháp tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Cư Jút - có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị S, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Vũ Đình Q, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Q, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Ông Vũ Đình T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn Q, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Quang C.

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

4. Bà Hà Thị H.

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 02/8/2019, Cao Đình V cùng với Vũ Đình Đ đi bộ dọc tuyến đường sinh thái thuộc thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực rẫy của anh Phạm Văn N, thôn B, xã T thì Đ đi vào tìm tài sản để trộm cắp, còn V đứng ở ngoài cảnh giới; Đ vào bên trong nhà thì thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Halim, kiểu dáng Dream màu nâu, biển kiểm soát (BKS) 48F2 - 3854 còn gắn chìa khóa trên xe nên Đ lên vào dắt xe ra ngoài đường, nổ máy và chở Vượng về nhà Vũ Đình Q, là chú của Đ ở thôn Q, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, Đ, V sử dụng cờ lê, tua vít tháo yếm xe, giỏ xe, khung sắt bảo vệ đèn hậu, tháo BKS xe và lắp BKS xe khác vào (chưa xác định được BKS). Sau đó, Đ sử dụng xe mô tô này chở V đi chơi tại xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 03/8/2019, nhận thức được hành vi phạm tội nên Cao Đình V đến Công an huyện Cư Jut đầu thú. Quá trình điều tra, V khai nhận còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 05/7/2019, Cao Đình V đi bộ dọc tuyến đường sinh thái thuộc Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực rẫy của anh Nguyễn Thành P thôn B, xã T thì V nhìn thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsan kiểu dáng Dream màu nâu, BKS 48F3 - 8610 đang dựng trước cửa chòi rẫy không có người trông coi nên V lên vào dắt xe mô tô ra ngoài, sau đó V đấu dây điện nổ máy xe chạy về nhà anh Nguyễn Quang C, tổ dân phố V, T.T E, huyện , tỉnh Đắk Nông. Tại đây, V dùng cờ lê tháo, lắp BKS xe khác vào (chưa xác định được BKS) rồi sử dụng xe mô tô này làm phương tiện đi lại. Đến ngày 10/7/2019, V bán xe mô tô này cho bà Hà Thị H ở thôn L, xã S, huyện C được 1.000.000đ rồi tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng của vụ án thu giữ gồm:

- Thu giữ tại nhà ông Vũ Đình Q: 01 yếm xe máy màu trắng, trên yếm xe có số 826805150010; 01 giỏ màu đen, loại giỏ gắn phía trước xe máy; 01 khung sắt màu trắng bạc, loại dùng để gắn bảo vệ đèn chiếu hậu của xe máy;

- Thu giữ tại nhà ông Vũ Đình T, sinh năm 1959 (bố của Đ, trú tại: Thôn Q, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk): 01 xe mô tô nhãn hiệu Halim, kiểu dáng Dream màu nâu, số máy: CT100E-1844747, số khung: VHMPCG-00328016368; 01 BKS 48F2 - 3854;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Marron, kiểu dáng Dream màu nâu, có gắn BKS 47L1 - 063.51, số khung: RNDDCGLND91001658, số máy: VDGZS150FMG-MA001658;

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 08/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận:

+ 01 xe máy nhãn hiệu Damsan, kiểu dáng Dream màu nâu BKS 48F3 – 8610, số khung: VHHDCG084UM103201, số máy: VHHJL150FMG00103201, có giá trị tại thời điểm bị xâm hại ngày 05/7/2019 là 2.000.000đ (hai triệu đồng);

+ 01 xe máy nhãn hiệu Halim màu nâu BKS 48F2 – 3854, số khung MFCG00328016368, số máy CT100E1844747, có giá trị tại thời điểm bị xâm hại ngày 03/8/2019 là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng);

Tổng giá trị thiệt hại tài sản là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Qua điều tra đã xác định được: 01 yếm xe máy màu trắng; 01 giỏ xe máy màu đen; 01 khung sắt màu trắng bạc gắn bảo vệ đèn chiếu hậu của xe máy; 01 xe mô tô nhãn hiệu Halim, kiểu dáng Dream màu nâu, số máy: CT100E1844747, số khung: VHMPCG-00328016368; 01 biển số xe BKS 48F2 – 3854; là của Phạm Văn N (SN: 1974, trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông). Ngày 26/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Phạm Văn N là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 BKS 48F3 – 8610, sau khi tháo ra V vớt trên mái nhà anh Nguyễn Quang C; Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsan kiểu dáng Dream màu nâu của anh Nguyễn Thành P; sau khi trộm cắp được, Cao Đình V đã bán cho bà Hà Thị H, khi bán không có người làm chứng; hiện nay, bà H không xác nhận đã mua của V nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút không thu giữ được.

Bản cáo trạng số 40/CTr-VKS ngày 08/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút truy tố bị cáo Cao Đình V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cao Đình V phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Cao Đình V từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Halim, kiểu dáng Dream màu nâu, số máy: CT100E1844747, số khung: VHMPCG-00328016368; 01 yếm (bửng) xe máy màu trắng có số 826805150010; 01 giỏ màu đen, loại giỏ gắn phía trước xe máy; 01 khung sắt màu trắng bạc, loại dùng để gắn bảo vệ đèn chiếu hậu của xe máy; 01 biển số xe BKS 48F2 – 3854 cho anh Phạm Văn N là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Văn N đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; anh Nguyễn Thành P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh P, buộc bị cáo Cao Đình V phải bồi thường cho anh P số tiền 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Cao Đình V thừa nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi đúng với hành vi cáo trạng đã truy tố và thống nhất với tội danh, điều luật, tình tiết tăng

nặng, giảm nhẹ mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút đã đề nghị, không có ý kiến phản đối, kêu oan, bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của anh P. Bị cáo không bào chữa và cũng không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Jút, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác đúng như nội dung cáo trạng mà VKSND huyện Cư Jút đã truy tố.

[3] Xét hành vi của bị cáo: Vào khoảng 11 giờ ngày 05/7/2019, tại rẫy của anh Nguyễn Thành P (Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông) Cao Đình V có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsan BKS 48F3 - 8610 của anh P, trị giá 2.000.000đ (hai triệu đồng). Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 02/8/2019, tại rẫy của anh Phạm Văn N, (Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông) Cao Đình V tiếp tục có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Halim BKS 48F2 – 3854 của anh N trị giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng tài sản Cao Đình V trộm cắp trị giá 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, HĐXX có đủ căn cứ để xác định bị cáo Cao Đình V đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....”

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo sống có ích, có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và đáp ứng công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm của địa phương.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội

của bản thân do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần vào ngày 05/7/2019 và ngày 02/8/2019, giá trị tài sản mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm; đồng thời bị cáo chưa được xóa án tích theo Bản án số 17/2018/HSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, bị cáo bị áp dụng các tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm” quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng nên HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Quá trình điều tra bị cáo Cao Đình V còn khai nhận: vào ngày 11/7/2019, V trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Marron, kiểu dáng Dream màu nâu, số khung: RNDDCGLND91001658, số máy: VDGZS150FMG-MA001658 tại khu vực chợ 312, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Ngày 03/8/2019, V đã giao nộp xe mô tô này cho cơ quan Công an huyện Cư Jút. Hiện vụ việc đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Đắk Nông cùng vật chứng để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với Vũ Đình Đ, bị cáo Cao Đình V khai nhận mới quen biết được khoảng 03 ngày do cùng nghiện ma túy, sau đó bị cáo rủ Đ cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, hiện nay Đ không có mặt tại địa phương, không có người làm chứng khác liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút ra quyết định tách vụ án, tách hành vi của Vũ Đình Đ để tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Vũ Đình Q là chú của Đạo; ngày 02/8/2019, bị cáo V và Đ tháo yếm xe mô tô BKS 48F2 – 3854 tại sân nhà anh Q. Tuy nhiên, anh Q không biết xe mô tô là do trộm cắp có được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với ông Vũ Đình T là bố đẻ của Đ; ngày 02/8/2019, Đ mang xe mô tô BKS 48F2 – 3854 về nhà ông T cất giấu. Tuy nhiên, ông T không biết xe là do trộm cắp có được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với bà Hà Thị H, bị cáo khai nhận đã bán xe mô tô nhãn hiệu Damsan kiểu dáng Dream màu nâu của anh Nguyễn Thành P cho Hà Thị H. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không chứng minh được bà H có mua chiếc xe trên và bà H không xác nhận đã mua của V nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Halim, kiểu dáng Dream màu nâu, số máy: CT100E1844747, số khung: VHMPGCG-00328016368; 01 yếm (bửng) xe máy màu

trắng có số 826805150010; 01 giỏ màu đen, loại giỏ gắn phía trước xe máy; 01 khung sắt màu trắng bạc, loại dùng để gắn bảo vệ đèn chiếu hậu của xe máy; 01 biển số xe BKS 48F2 – 3854 cho anh Phạm Văn N là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận: Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút chuyển vật chứng là 01 xe mô tô nhãn hiệu Marron, kiểu dáng Dream màu nâu, số khung: RNDDCGLND91001658, số máy: VDGZS150FMG-MA001658, gắn BKS 47L1 – 06351 đến Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Đắk Nông để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Văn N đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; anh Nguyễn Thành P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng là tiền định giá chiếc xe bị cáo đã lấy của anh P, HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh P, buộc bị cáo Cao Đình V phải bồi thường cho anh P số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo Cao Đình V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, anh Nguyễn Thành P có quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[11] Về án phí: Bị cáo Cao Đình V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 299 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố bị cáo Cao Đình V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Cao Đình V 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 03/8/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút ra quyết định xử lý vật chứng số 35 ngày 26/8/2019, trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Halim, kiểu dáng Dream màu nâu, số máy: CT100E1844747, số khung: VHMPGCG-00328016368; 01 yếm (bửng) xe máy màu trắng có số 826805150010; 01 giỏ màu đen, loại giỏ gắn phía trước xe máy; 01 khung sắt màu trắng bạc, loại dùng để gắn bảo vệ đèn chiếu hậu của xe máy; 01 biển số xe BKS 48F2 – 3854 cho anh Phạm Văn N là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận: Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút chuyển vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Marron, kiểu dáng Dream màu nâu, số khung: RNDDCGLND91001658, số máy: VDGZS150FMG-MA001658, gắn BKS 47L1 – 06351 đến Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Đắk Nông để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Cao Đình V phải bồi thường cho anh Nguyễn Thành P số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo Cao Đình V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, anh Nguyễn Thành P có quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

4. Về án phí: Bị cáo Cao Đình V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Công an huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện Ct;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

LỘC THỊ VINH